ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN NHƯ QUỲNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 21/KH-UBND	*Như Quỳnh, ngày 10 tháng 01 năm 2025*

KẾ HOẠCH
Cải cách hành chính nhà nước thị trấn Như Quỳnh năm 2025

Căn cứ Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện về cải cách hành chính nhà nước huyện Văn Lâm giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 27/12/2024 của UBND huyện Văn Lâm về Cải cách hành chính nhà nước huyện Văn Lâm năm 2025; Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 29/12/2021 của UBND thị trấn Như Quỳnh về Cải cách hành chính nhà nước thị trấn Như Quỳnh giai đoạn 2021-2025. Ủy ban nhân dân thị trấn xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) năm 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 2/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 184/KH-UBND ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh về CCHC nhà nước tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 17/12/2024 của UBND tỉnh về cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2025; Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện về cải cách hành chính nhà nước huyện Văn Lâm giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 27/12/2024 của UBND huyện Văn Lâm về Cải cách hành chính nhà nước huyện Văn Lâm năm 2025; Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 29/12/2021 của UBND thị trấn Như Quỳnh về Cải cách hành chính nhà nước thị trấn Như Quỳnh giai đoạn 2021-2025.

2. Yêu cầu

a) Các Cán bộ, công chức nhận thức đầy đủ, xác định công tác CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, thường xuyên, liên tục trên cơ sở tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện. Các nội dung CCHC được triển khai đồng bộ; xác định cụ thể các nhiệm vụ, giải pháp, đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ và chất lượng đề ra.

b) Xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu của các đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC; đảm bảo nâng cao năng lực, kỹ năng thực thi công vụ, ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp.

c) Kế thừa, phát huy những kinh nghiệm, ưu điểm, kết quả đạt được trong CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương giai đoạn vừa qua; chủ động nghiên cứu, sáng tạo, quyết liệt áp dụng những giải pháp mới để CCHC là khâu đột phá trong quản lý hành chính nhà nước.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Kết quả Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp huyện (PAPI), điểm Chỉ số tăng cao hơn so với năm 2024. Mức độ hài lòng của của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước cao hơn năm 2024

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Cải cách thể chế

a) 100% các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) ban hành đảm bảo trình tự, thủ tục phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương.

b) 100% các văn bản QPPL về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, công chức, người lao động và người dân.

c) 100% văn bản QPPL còn hiệu lực thi hành được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

d) 100% các quyết định của UBND thị trấn được đảm bảo hiệu lực, hiệu quả và được kiểm tra kịp thời, theo dõi thường xuyên sau khi được ban hành**.**

2.2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Trên 98% số hồ sơ TTHC được trả kết quả giải quyết đúng hạn hoặc trước hạn; 100% hồ sơ TTHC giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi cá nhân, tổ chức theo đúng quy định.

b) 100% hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC được số hóa, cập nhật trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo quy định đối với các TTHC bắt buộc phải số hóa. Hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực được hình thành từ năm 1997 đến năm 2021 theo đúng lộ trình đề ra tại Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh

c) Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

d) 100% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công khai và rà soát, đơn giản hóa theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền

đ) 100% hồ sơ TTHC phát sinh giữa các cơ quan, tổ chức có đủ điều kiện được thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc một phần và sử dụng dịch vụ bưu chính công ích

e) 100% hồ sơ TTHC được cập nhật kịp thời trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và đồng bộ, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

g) 100% TTHC có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình, trong đó ít nhất 80% TTHC được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt từ 70% trở lên.

h) Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến; tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 60% trở lên trên tổng số giao dịch thanh toán có phát sinh phí, lệ phí TTHC.

i) 100% phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của UBND, Chủ tịch UBND thị trấn được tổ chức tiếp nhận, xử lý, công khai kết quả xử lý theo đúng quy định.

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Quản lý, sử dụng có hiệu quả biên chế, tổ chức bộ máy, vị trí việc làm. Thực hiện sắp xếp, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ theo tinh thần sắp xếp các phòng chức năng của huyện.

b) Rà soát thực hiện giảm biên chế cán bộ, công chức theo quy định của trung ương và của UBND tỉnh, UBND huyện.

c) Thực hiện xây dựng Kế hoạch tuyển dụng công chức thị trấn năm 2025 đối với số biên chế chưa sử dụng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

d) Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) 100% phê duyệt và đề nghị UBND huyện phê duyệt đề án (điều chỉnh) vị trí việc làm khi có sự điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức hoặc khi bộ quản lý ngành, lĩnh vực có sự điều chỉnh về danh mục và khung năng lực của từng vị trí việc làm.

b) Phối hợp UBND huyện, Phòng Nội vụ thực hiện, sắp xếp cơ cấu công chức đúng theo Danh mục vị trí việc làm được phê duyệt tại 100% cơ quan hành chính nhà nước.

c) 100% cán bộ, công chức của thị trấn được đánh giá, xếp loại gắn phân công nhiệm vụ, sản phẩm công việc hàng tháng theo Quy định số 1071-QĐ/TU ngày 05/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

d) Kịp thời thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành cho 100% cán bộ, công chức và người lao động.

đ) 100% cán bộ, công chức được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo quy định.

e) 100% cán bộ, công chức thực hiện trao đổi hoàn toàn lượng công việc trên môi trường mạng.

g) Hoàn thành việc cập nhật Cơ sở dữ liệu 100% CBCC của thị trấn bảo đảm theo quy định (đáp ứng đủ 109 trường dữ liệu thông tin), đồng bộ, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC của Bộ Nội vụ, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu bảo đảm thông suốt, hiệu quả.

h) 100% cán bộ; công chức thị trấn đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

5. Cải cách tài chính công

a) Phấn đấu giải ngân vốn đầu tư công tối thiểu 95% kế hoạch được giao.

b) Nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) 100% cán bộ, công chức sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

b) Đẩy nhanh xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của UBND. Đảm bảo 100% hệ thống thông tin được triển khai tại cơ quan nhà nước xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

c) 100% văn bản điện tử gửi, nhận trên môi trường mạng được ký số đầy đủ theo quy định của nhà nước (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

d) Tỷ lệ hồ sơ công việc được tạo lập trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) tại các cán bộ, công chức thị trấn đạt 60%.

đ) 100% chế độ báo cáo thực hiện theo quy định của UBND huyện; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Hưng Yên, có tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

e) Thực hiện cung cấp đầy đủ 130 loại dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước.

g) 80% cuộc giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện qua môi trường mạng (bằng hình thức báo cáo và trực tiếp trên các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh).

h) 100% hệ thống hội nghị truyền hình được kết nối từ Trung ương đến địa phương, từ huyện, thị trấn được vận hành ổn định, bảo đảm chất lượng.

i) Cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

k) Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa 100% các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của thị trấn, ngành, lĩnh vực với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của Bộ, ngành Trung ương, qua trục LGSP của tỉnh và trục NDXP quốc gia.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Cải cách thể chế

a) Nâng cao chất lượng công tác tham mưu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của thị trấn.

b) Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ những quy định không còn phù hợp, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, cụ thể, khả thi.

c) Tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm. Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật.

d) Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành làm cơ sở tổ chức triển khai thống nhất, đồng bộ và hiệu quả công tác kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử trên địa bàn thị trấn. Năm 2025, tiếp tục tập trung quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 21/8/2023 của UBND tỉnh về việc tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả công tác cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 22/5/2024 của UBND tỉnh về việc chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, ngăn chặn sai phạm trong giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện và các văn bản chỉ đạo, điều hành khác về cải cách, kiểm soát TTHC.

b) Thường xuyên rà soát, kiện toàn, tập huấn nghiệp vụ và bảo đảm chế độ cho hệ thống cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC; công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa và công chức tham gia quá trình giải quyết TTHC tại UBND thị trấn năm 2025, tiếp tục tham gia tập huấn về thực hiện Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; sử dụng tài khoản VneID trong thực hiện TTHC; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và tái sử dụng dữ liệu số hóa trong giải quyết TTHC…

c) Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá tác động, tham gia ý kiến và thẩm định quy định về TTHC trong dự thảo văn bản QPPL có quy định về TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh (trong trường hợp được Luật giao), bảo đảm chỉ ban hành TTHC hợp pháp, hợp lý và có chi phí tuân thủ thấp nhất.

d) Bảo đảm công bố, công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời các TTHC theo quy định để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận, tìm hiểu, thực hiện và giám sát việc thực hiện TTHC.

đ) Tổ chức thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn. Tăng cường hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC, nhất là các nhóm TTHC, dịch vụ công liên thông; hạn chế đến mức thấp nhất việc giải quyết hồ sơ TTHC quá thời hạn quy định. Trong trường hợp giải quyết quá hạn, cơ quan, đơn vị phải thực hiện nghiêm túc trách nhiệm xin lỗi cá nhân, tổ chức và trách nhiệm giải trình với cơ quan nhà nước cấp trên theo quy định. Theo dõi, công bố, công khai, sử dụng kết quả Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là một căn cứ quan trọng đánh giá kết quả CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

e) Tập trung nguồn lực đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC trên cơ sở liên thông điện tử và tái sử dụng dữ liệu để xây dựng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc lấy người dùng làm trung tâm.

g) Xây dựng Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2025 bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm trên cơ sở chú trọng sự phát hiện, đề xuất của các cơ quan trực tiếp giải quyết TTHC và ý kiến phản ánh của cá nhân, tổ chức trong quá trình thực hiện TTHC; tổ chức thực hiện Kế hoạch một cách nghiêm túc.

h) Tiếp tục thống kê, rà soát, đề nghị đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn, bảo đảm đúng theo hướng dẫn.

i) Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp về công tác kiểm soát TTHC, cải cách TTHC.

k) Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

l) Tăng cường công tác tự kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC nhằm nâng cao đạo đức công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

m) Thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo về công tác kiểm soát TTHC theo quy định.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả gắn với thực hiện tinh giản biên chế công chức, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; tập trung rà soát, sắp xếp, tổ chức lại vị trí chức năng nhiệm vụ của công chức chuyên môn theo hướng dẫn của UBND huyện.

b) Tập trung triển khai đồng bộ, toàn diện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, của huyện về tổ chức bộ máy, biên chế. Trọng tâm là thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, Quyết định của tỉnh, huyện về sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với mục tiêu tinh giản biên chế; Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh xây dựng, phê duyệt Đề án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2023-2025.

c) Triển khai hiệu quả các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 383/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 của HĐND tỉnh quy định về hỗ trợ cán bộ, công chức nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc, chuyển công tác giai đoạn 2023-2026, các Nghị định của Chính phủ về tinh giản biên chế.

d) Thực hiện tinh giản biên chế cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách thị trấn dôi dư năm 2025 theo Kế hoạch sử dụng biên chế cán bộ, công chức cấp xã. Thực hiện bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư theo quy định.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Tiếp tục hoàn thiện danh mục vị trí việc làm, khung năng lực, bản mô tả vị trí việc làm để làm cơ sở xác định biên chế phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn. Thực hiện tốt việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức theo vị trí việc làm theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm, số

lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định hiện hành.

b) Thường xuyên rà soát, sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Thực hiện sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và tinh giản biên chế đối với công chức không làm ảnh hưởng đến việc bố trí nhân sự thực hiện các nhiệm vụ của vị trí việc làm chuyên môn, chuyên ngành; khi thực hiện tổ chức lại sẽ đồng thời cắt giảm biên chế dôi dư (đối với công chức).

c) Tổ chức, cử cán bộ, công chức tham gia thi tuyển các chức danh lãnh đạo, quản lý (khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền), thực hiện các quy định về công tác cán bộ theo quy định.

d) Tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. Thực hiện Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ, công chức theo quy định.

đ) Triển khai thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức thị trấn.

e) Đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cán bộ, công chức đảm bảo đúng quy định.

g) Cập nhật Cơ sở dữ liệu về cán bộ công chức của thị trấn bảo đảm theo quy định.

h) Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ, công chức; thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; xử lý nghiêm tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những tổ chức, cá nhân sai phạm.

5. Cải cách tài chính công

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả các Kế hoạch ngày 07/7/2023 của BCH Đảng bộ tỉnh: số 208- KH/TU triển khai thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18- NQ/TW, giai đoạn 2023-2026, số 209-KH/TU về tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW đến năm 2026; Chương trình hành động số 133/CTr-UBND ngày 14/8/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10/7/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 50-KL/TU ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Kế hoạch số 140-KH/TU ngày 30/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý biên chế giai đoạn 2022-2026. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Công văn số 2515/UBND-NC ngày 29/8/2024 của UBND tỉnh Hưng yên về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ ban hành kèm theo Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 62-KL/TW của Bộ Chính trị.Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của

Nghị định 130/2005/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn.

b) Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn.

c) Tăng cường công tác tự thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách, định mức thu, chi ngân sách nhà nước; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập

d) Thực hiện nghiêm quy định của Luật Đầu tư công, đồng thời tiếp tục chỉ đạo quán triệt và thực hiện nghiêm các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công theo Chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Chỉ thị số 44-CT/TU ngày 15/3/2023 về thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, ách tắc trong triển khai các dự án đầu tư công từ khâu chuẩn bị đầu tư đến triển khai, kết thúc dự án, nhất là trong giải phóng mặt bằng (bồi thường, hỗ trợ, tái định cư), xử lý thủ tục về đầu tư, đất đai, quy hoạch, xây dựng…

e) Đẩy nhanh tiến độ công tác chuẩn bị đầu tư (lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán); triển khai tổ chức lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm để sớm thi công dự án. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án và giải ngân vốn đầu tư công. Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, thanh toán ngay với Kho bạc Nhà nước khi có khối lượng nghiệm thu, không để dồn thanh toán vào cuối năm và không gây nợ đọng xây dựng cơ bản.

f) Xây dựng kế hoạch giải ngân theo từng tháng, quý cho từng công trình, dự án; phân công lãnh đạo phụ trách chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện và giải ngân dự án theo kế hoạch đề ra; đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho từng dự án.

g) Tập trung huy động mọi nguồn lực địa phương để giải quyết tốt công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ tái định cư kịp thời, đúng quy định cho người dân, bảo đảm đúng pháp luật và hài hòa lợi ích của Nhà nước và người dân. Tăng cường quản lý hiệu lực, hiệu quả đất đai, nhất là nguồn gốc đất, quy hoạch sử dụng các loại đất... hạn chế tối đa việc điều chỉnh phương án đền bù, bảo đảm tiến độ thực hiện.

h) Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân công, phân nhiệm, cá thể hóa trách nhiệm đi đôi với phối hợp, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện và khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh trong thực hiện kế hoạch đầu tư công.

i) Thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện dự án, hạn chế phải điều chỉnh trong quá trình triển khai, bảo đảm hiệu quả đầu tư; kiểm soát chặt chẽ

phạm vi, quy mô, tổng mức đầu tư của từng dự án theo đúng mục tiêu, lĩnh vực và quy định của pháp luật. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, hậu kiểm, xử lý vi phạm; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Tiếp tục đảm bảo hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, các hệ thống thông tin dùng chung và các hệ thống chuyên ngành hoạt động ổn định; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin khi sử dụng các ứng dụng và trong triển khai ứng dụng mới.

b) Các văn bản điện tử gửi trên môi trường mạng (qua các ứng dụng khác nhau) phải được ký số đầy đủ, bao gồm có đủ chữ ký số của lãnh đạo và ký số của cơ quan (dấu của cơ quan). Các tài liệu liên quan đến công việc chuyên môn nghiệp vụ phải được tạo lập hồ sơ công việc ngay khi bắt đầu thực hiện.

c) Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 02/02/2021 của UBND tỉnh về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025 đảm bảo đúng tiến độ, đồng bộ và phát huy hiệu quả.

d) Cung cấp đầy đủ thông tin tại các chuyên mục cụ thể trên Cổng/Trang thông tin điện tử thị trấn theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ phục vụ tra cứu, tìm kiếm thông tin, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên môi trường mạng, nhằm phục vụ tra cứu, tìm kiếm thông tin, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên môi trường mạng.

đ) Tiếp tục nâng cấp về hạ tầng và hoàn thiện phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC phục vụ tốt công tác giải quyết TTHC trên địa bàn thị trấn và đảm bảo tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành của các Bộ, ngành Trung ương, tỉnh, huyện và địa phương. Rà soát các TTHC đủ điều kiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả hoàn toàn trực tuyến để cung cấp dưới dạng Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên cổng Dịch vụ công tỉnh và được đồng bộ danh mục TTHC với cổng Dịch vụ công quốc gia. Đẩy mạnh giải quyết TTHC bằng hình thức trực tuyến để nâng cao hiệu quả CCHC.

e) Bổ sung, nâng cấp các module chức năng hiện có trên các nền tảng (web và di động) của Trung tâm điều hành thông minh; bổ sung các chức năng giám sát các lĩnh vực khác phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo thị trấn liên quan đến công tác CCHC; tiếp tục bổ sung, tích hợp hệ thống theo mô hình của Đề án 06; xây dựng phương án hạ tầng Trung tâm điều hành thông minh đáp ứng tiêu chí an toàn an ninh thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 708/BTTTT-ATTT theo định hướng CLOUD.

g) Nâng cấp phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ đáp ứng các yêu cầu theo dõi thực hiện nhiệm vụ các cấp có liên thông dữ liệu với Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Chính phủ, của tỉnh.

h) Tiếp tục ứng dụng các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nội bộ của huyện, thị trấn và kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử để trao đổi, chia sẻ dữ liệu.

i) Tiếp tục duy trì Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến từ tỉnh đến huyện, thị trấn.

k) Quản lý, vận hành, thường xuyên nâng cấp Hệ thống thông tin báo cáo, đảm bảo đầy đủ các chức năng, tính năng theo quy định và tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

(Nhiệm vụ cụ thể theo Phụ lục đính kèm).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Đảng ủy.

a) Đề nghị Đảng ủy ban hành nghị quyết về nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn và chỉ đạo quán triệt đến các chi bộ trực thuộc.

b) Đề nghị Đảng ủy chỉ đạo Mặt trận tổ quốc Việt Nam thị trấn Như Quỳnh và các tổ chức chính trị - xã hội của thị trấn tăng cường công tác phối hợp với UBND thị trấn trong công tác thực hiện các nhiệm vụ về CCHC.

c) Đề nghị Đảng ủy chỉ đạo các ngành, đoàn thể, cán bộ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công tác.

d) Đề nghị Đảng ủy chỉ đạo các ngành, đoàn thể, cán bộ đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC gắn với nâng cao chất lượng quản trị và hành chính công; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các ngành, đoàn thể, của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia vào tiến trình cải cách và giám sát chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, công chức.

e) Đề nghị Đảng ủy kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện công tác CCHC; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở, văn hóa giao tiếp với Nhân dân của cán bộ, công chức tại cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn; gắn việc thực hiện công tác CCHC với công tác thi đua khen thưởng.

2. Các đơn vị, các ngành, đoàn thể, các thôn phố

a) Căn cứ Kế hoạch của thị trấn và tình hình thực tế cụ thể hóa chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch này; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, những khâu đột phá, giải pháp chủ yếu phân công tổ chức thực hiện. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao đảm bảo chất lượng, tiến độ, thời gian theo yêu cầu.

b) Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền về Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 184/KH-UBND ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 31/12/2021 của huyện đến cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp; Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định đánh giá năng lực thực hiện các Chỉ số cải cách nền hành chính tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày

04/7/2023 của UBND huyện về đánh giá năng lực thực hiện các Chỉ số cải cách nền hành chính huyện Văn Lâm.

c) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức đối với công tác CCHC, gắn vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC ở phạm vi cơ quan, đơn vị mình phụ trách.

d) Lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC là cơ sở để đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu.

đ) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đồng thời tích cực đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC với UBND hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu cụ thể của UBND huyện, UBND thị trấn.

e) Chịu trách nhiệm trước UBND thị trấn về kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo ngành, lĩnh vực được phân công.

3. Công chức Văn phòng UBND thị trấn.

a) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch CCHC nhà nước năm 2025 đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng yêu cầu, tiến độ; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện.

b) Phối hợp với các công chức có liên quan tham mưu UBND thị trấn ban hành kế hoạch hàng năm, triển khai thực hiện xác định Chỉ số CCHC áp dụng đối với thị trấn; phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai việc khảo sát, đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước;

c) Tham mưu trình UBND, Chủ tịch UBND thị trấn quyết định các biện pháp đẩy mạnh công tác CCHC trên địa bàn.

d) Phối hợp với các công chức có liên quan tham mưu và thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ: công tác chỉ đạo, điều hành; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ; vị trí việc làm, quản lý công vụ, cán bộ, công chức.

đ) Tham mưu xây dựng kế hoạch CCHC; Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của huyện và tổng hợp báo cáo UBND các cấp theo quy định.

e) Phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai công tác thông tin và tuyên truyền về CCHC.

g) Phối hợp tham gia bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức thực hiện công tác CCHC do huyện, tỉnh tổ chức. Tham mưu học tập kinh nghiệm mô hình CCHC hiệu quả tại các huyện/thành phố trong và ngoài tỉnh.

h) Tham mưu UBND thị trấn tổ chức tổng kết việc thực hiện Kế hoạch CCHC nhà nước của huyện năm 2025.

i) Tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC; nhiệm vụ do UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao; Phối hợp thực hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2015; triển khai thực hiện do lường mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế và

nhiệm vụ công tác văn thư, lưu trữ.

j) Phối hợp với các đơn vị có liên quan giúp UBND thị trấn triển khai hoạt động kiểm soát TTHC tại thị trấn.

4. Công chức Tư pháp:

Chủ trì, phối hợp tham mưu và chịu trách nhiệm trước UBND thị trấn kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách thế chế; theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thế chế. Chủ trì triển khai nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến người dân, tổ chức.

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc lập dự toán ngân sách, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC đảm bảo theo quy định.

c) Bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC của huyện theo kế hoạch.

5. Tài chính – Kế toán

a) Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước UBND thị trấn kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách tài chính công; phân cấp QLNN về quản lý ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công, cơ chế tự chủ tại cơ quan, đơn vị. Chủ trì, theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về cải cách tài chính công.

b) Hướng dẫn việc lập dự toán ngân sách, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC đảm bảo theo quy định.

c) Bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC của thị trấn theo kế hoạch.

6. Công chức Văn hóa xã hội; công chức văn hóa phụ trách lao động thương binh và xã hội; Đài truyền thanh:

- Chủ trì, phối hợp với các bộ phận, công chức có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước UBND thị trấn kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ: xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; công tác tuyên truyền về CCHC. Chủ trì, theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, tuyên truyền về CCHC, phát thanh tuyên truyền. Tăng cường tuyên truyền các nội dung về CCHC nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và Nhân dân về công tác CCHC; phát hiện, biểu dương những điển hình tiên tiến, nhân tố mới, đồng thời đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật, các hiện tượng tiêu cực trong triển khai, thực hiện công tác CCHC;

- Xây dựng chuyên trang, chuyên mục về CCHC để tăng cường tuyên truyền các nội dung về CCHC nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và Nhân dân về công tác CCHC; phát hiện, biểu dương những điển hình tiên tiến, nhân tố mới, đồng thời đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật, các hiện tượng tiêu cực trong triển khai, thực hiện công tác CCHC; tiếp nhận ý kiến phản hồi của của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về thực hiện CCHC trên địa bàn thị trấn.

Ủy ban nhân dân thị trấn yêu cầu các ngành, đoàn thể, các bộ phận chuyên môn, các cán bộ công chức nghiêm túc thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh về Ủy ban nhân dân

(qua bộ phận Văn phòng) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- UBND huyện (để báo cáo);
- Phòng Nội vụ huyện;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND thị trấn;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thị trấn;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam thị trấn;
- Các cán bộ, công chức thị trấn;
- Đài truyền thanh thị trấn;
- Cổng Thông tin điện tử thị trấn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Vũ Văn Sữa